Chi tiết mã HS 8806.93.00

Mã HS	8806.93.00
Mô tả hàng hóa	Phương tiện bay không người lái / - Loại khác: / - - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 7 kg nhưng không quá 25 kg
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 03:36:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/88069300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17779
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17779
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17779
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17098
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17027
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17027
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17027
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17027
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17027
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17027
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17083
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17083

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17083
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17083
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17083
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17083
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17084
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17084
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17084
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17084
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17084
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17084
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17089
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17045
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17041
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17041
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17041
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17041
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17041
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17041
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17087
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17087
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17087
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17087
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17087
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17087
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17149
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17149
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17149
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17149
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17149
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17125
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17125
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17125
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17125
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17125
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17125
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17120
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17120
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17120
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17120
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17120
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17120
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17150
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17150
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17150
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17150
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17150
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17150
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17149
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17149
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17149
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17149
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17149
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17243
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17243
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17243
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17243
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17243
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17243
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17243
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17112
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17112
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17112
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17112
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17112
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17112
RCEP B	2022	2022	0	B!D17112
RCEP B	2023	2023	0	B!E17112
RCEP B	2024	2024	0	B!F17112
RCEP B	2025	2025	0	B!G17112
RCEP B	2026	2026	0	B!H17112
RCEP B	2027	2027	0	B!I17112
RCEP C	2022	2022	0	C!D17110
RCEP C	2023	2023	0	C!E17110
RCEP C	2024	2024	0	C!F17110
RCEP C	2025	2025	0	C!G17110
RCEP C	2026	2026	0	C!H17110

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17110
RCEP D	2022	2022	0	D!D17109
RCEP D	2023	2023	0	D!E17109
RCEP D	2024	2024	0	D!F17109
RCEP D	2025	2025	0	D!G17109
RCEP D	2026	2026	0	D!H17109
RCEP D	2027	2027	0	D!I17109
RCEP E	2022	2022	0	E!D17113
RCEP E	2023	2023	0	E!E17113
RCEP E	2024	2024	0	E!F17113
RCEP E	2025	2025	0	E!G17113
RCEP E	2026	2026	0	E!H17113
RCEP E	2027	2027	0	E!I17113
RCEP F	2022	2022	0	F!D17112
RCEP F	2023	2023	0	F!E17112
RCEP F	2024	2024	0	F!F17112
RCEP F	2025	2025	0	F!G17112
RCEP F	2026	2026	0	F!H17112
RCEP F	2027	2027	0	F!I17112
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16049
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16049
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16049
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16049

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8806.93.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8806.93.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8806.93.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8806.93.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17779), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.